

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ NGỌC THU

**HOÀN THIỆN NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH
NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM**

Ngành : KẾ TOÁN

Mã số : 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS, TS. Nghiêm Thị Thà

2. TS. Hoàng Thị Thu Hường

Phản biện 1:.....
.....

Phản biện 2:.....
.....

Phản biện 3:.....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện
Tài chính vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2026.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và phát triển kết cấu hạ tầng, ngành xây dựng giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, vừa trực tiếp tạo ra tài sản cố định, vừa thúc đẩy nhiều ngành, lĩnh vực liên quan. Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, giá trị tăng thêm của ngành xây dựng năm 2024 tăng 7,87%; quý I/2025 tăng 7,99%. Trong sáu tháng đầu năm 2025, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20% vào mức tăng chung của nền kinh tế. Cùng với việc mở rộng đầu tư kết cấu hạ tầng, nhu cầu vốn của ngành ngày càng lớn. Đến ngày 26/6/2025, dư nợ tín dụng của ngành xây dựng đạt khoảng 1,27 triệu tỷ đồng, chiếm 7,53% dư nợ toàn hệ thống. Điều này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với quản trị và kiểm soát rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng (DNXD).

DNXD niêm yết vừa trực tiếp thực hiện các công trình, dự án quy mô lớn, vừa huy động vốn từ công chúng và phải đáp ứng yêu cầu cao về minh bạch, công bố thông tin. Hoạt động xây dựng thường có giá trị hợp đồng lớn, thời gian thi công kéo dài, thanh toán theo tiến độ; vốn tập trung đáng kể trong các khoản phải thu và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Trong khi việc nghiệm thu, quyết toán và thu tiền phụ thuộc vào tiến độ dự án cũng như năng lực tài chính của chủ đầu tư, doanh nghiệp vẫn phải đáp ứng thường xuyên các khoản chi về vật tư, nhân công, nhà thầu phụ và lãi vay. Sự không tương thích giữa tiến độ thu và chi có thể gây thiếu hụt dòng tiền, gia tăng vay nợ và áp lực thanh khoản, ngay cả khi doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận kế toán.

Những rủi ro trên càng đáng lưu ý khi giá nguyên vật liệu, lãi suất, tỷ giá và thị trường bất động sản còn biến động; một số dự án kéo dài thủ tục, nghiệm thu, quyết toán và thanh toán. Vì vậy, phân tích các chỉ tiêu tổng hợp trên báo cáo tài chính chưa đủ để phản ánh toàn diện tình hình tài chính của DNXD niêm yết.

Từ đó, nội dung phân tích tài chính (PTTC) tại các DNXD niêm yết cần được hoàn thiện theo hướng vừa đánh giá toàn diện tình hình tài chính doanh nghiệp, vừa phản ánh được đặc thù của hoạt động xây dựng. Bên cạnh phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn, khả năng thanh toán, mức độ độc lập tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng sinh lời và dòng tiền, cần chú trọng phân tích công nợ và khả năng thu hồi nợ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, mối quan hệ giữa doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn theo công trình, dự án, mức độ phụ thuộc vào vốn vay và khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính. Nội dung PTTC phù hợp sẽ giúp nhà quản

trị nhận diện sớm các dấu hiệu mất cân đối tài chính, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, sự phát triển của AI, dữ liệu lớn, ERP và BIM tạo điều kiện kết nối dữ liệu tài chính với dữ liệu về tiến độ, khối lượng thi công, vật tư, công nợ và dòng tiền theo từng dự án, qua đó hỗ trợ phân tích đa chiều và dự báo. Các yêu cầu về môi trường, xã hội và quản trị (ESG), cùng những khuôn khổ như GRI, ISSB, SASB và Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) tại Việt Nam, cũng đặt ra yêu cầu kết hợp thông tin tài chính với thông tin phi tài chính để đánh giá rủi ro và khả năng tạo giá trị dài hạn.

Khảo sát sơ bộ cho thấy nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam còn tập trung vào những chỉ tiêu tài chính tổng hợp, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù ngành; việc ứng dụng công nghệ và tích hợp nội dung phát triển bền vững còn hạn chế. Đồng thời, các nghiên cứu chuyên sâu về nội dung PTTC gắn với đặc thù của DNXD niêm yết tại Việt Nam chưa nhiều. Vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện nội dung phân tích tài chính các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam”**, nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng PTTC, hỗ trợ quản trị rủi ro, cải thiện hiệu quả quyết định tài chính và thúc đẩy sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Các nghiên cứu về cơ sở dữ liệu và phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp

2.1.1. Các nghiên cứu về cơ sở dữ liệu phục vụ PTTC doanh nghiệp

2.1.2. Các nghiên cứu về phương pháp PTTC doanh nghiệp

2.2. Các nghiên cứu về nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp

2.2.1. Các nghiên cứu về phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn

2.2.2. Các nghiên cứu về phân tích tình hình kết quả kinh doanh và dòng tiền của DN.

2.2.3. Các nghiên cứu về phân tích hiệu quả sử dụng vốn của DN

2.2.4. Các nghiên cứu về phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán và của DN

2.2.5. Các nghiên cứu về phân tích tình hình tăng trưởng và phát triển bền vững của DN

2.2.6. Các nghiên cứu về phân tích rủi ro tài chính và dự báo tài chính DN

2.3. Đánh giá tổng quan các nghiên cứu đã công bố và khoảng trống nghiên cứu

2.3.1. Đánh giá chung các nghiên cứu đã công bố liên quan đến đề tài

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã xây dựng nền tảng tương đối đầy đủ về cơ sở dữ liệu, phương pháp và nội dung PTTC doanh nghiệp. Dữ liệu phân tích chủ yếu được khai thác từ báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và một số nguồn bên trong, bên ngoài doanh nghiệp; các phương pháp thường được sử dụng gồm đánh giá, phân tích nhân tố, mô hình kinh tế lượng và dự báo. Nội dung PTTC tập trung vào sáu nhóm chính: tài sản, nguồn vốn và hoạt động tài trợ; kết quả kinh doanh và dòng tiền; hiệu quả sử dụng vốn; công nợ và khả năng thanh toán; tăng trưởng và phát triển bền vững; rủi ro và dự báo tài chính.

Đối với doanh nghiệp xây dựng niềm yết, các nghiên cứu đã bước đầu đề cập đến đặc điểm chu kỳ thi công dài, nhu cầu vốn lớn, tỷ trọng sản phẩm dở dang và công nợ cao, dòng tiền phụ thuộc vào tiến độ nghiệm thu, thanh toán hợp đồng và mức độ rủi ro tài chính lớn. Tuy nhiên, chưa có khung PTTC đồng bộ gắn với đặc thù của DNXD niềm yết tại Việt Nam. Việc tích hợp dữ liệu quản trị, hợp đồng, vận hành, phát triển bền vững và các chỉ tiêu đặc thù theo công trình còn hạn chế; các công nghệ như BI, AI và Machine Learning cũng chưa được vận dụng có hệ thống. Đây là khoảng trống để luận án kế thừa, bổ sung và hoàn thiện nội dung PTTC phù hợp với DNXD niềm yết ở Việt Nam.

2.3.2. Khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan các công trình đã công bố, luận án xác định khoảng trống nghiên cứu trên các phương diện: tính toàn diện và sự liên kết của nội dung phân tích tài chính (PTTC); khả năng phản ánh đặc thù tài chính của DNXD niềm yết tại Việt Nam; mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị; và sự phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, phát triển bền vững.

Thứ nhất, các nghiên cứu trước chưa phân định rõ việc hoàn thiện nội dung PTTC với hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, phương pháp và quy trình phân tích. Nội dung PTTC tại DNXD niềm yết chưa được cấu trúc thành một hệ thống thống nhất, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, các mối quan hệ tài chính cần xem xét và ý nghĩa của kết quả phân tích đối với quyết định quản trị.

Thứ hai, các nhóm nội dung PTTC thường được nghiên cứu riêng lẻ, chưa làm rõ mối liên hệ giữa tài sản, nguồn vốn và hoạt động tài trợ; kết quả kinh doanh và dòng tiền; hiệu quả sử dụng vốn; công nợ và khả năng thanh toán; tăng trưởng và phát triển bền vững; rủi ro và dự báo tài chính.

Thứ ba, nội dung và chỉ tiêu PTTC hiện có chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của ngành xây dựng như chu kỳ hợp đồng dài, ghi nhận doanh thu theo tiến độ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị hợp đồng chưa thực hiện, công nợ theo công trình, tiến độ nghiệm thu và thu tiền từ chủ đầu tư. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng thanh toán và rủi ro tài chính của DNXD niêm yết.

Thứ tư, cơ sở dữ liệu phân tích chủ yếu vẫn dựa trên báo cáo tài chính, chưa khai thác đầy đủ dữ liệu quản trị, hợp đồng, tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán, đấu thầu, thị trường và ESG. Đồng thời, việc ứng dụng ERP, kho dữ liệu, BI, dashboard và các mô hình dự báo chưa được gắn kết có hệ thống với từng nội dung PTTC và nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

Trên cơ sở đó, luận án tập trung hoàn thiện sáu nhóm nội dung PTTC gồm: tài sản, nguồn vốn và hoạt động tài trợ; kết quả kinh doanh và dòng tiền; hiệu quả sử dụng vốn; công nợ và khả năng thanh toán; tăng trưởng và phát triển bền vững; rủi ro và dự báo tài chính. Trong từng nhóm, luận án rà soát và bổ sung các chỉ tiêu phản ánh đặc thù xây dựng, mở rộng cơ sở dữ liệu, lựa chọn phương pháp phù hợp và làm rõ giá trị của thông tin phân tích đối với quyết định quản trị. BI, dashboard và các công cụ dự báo được đề xuất như những điều kiện hỗ trợ; mô hình ARIMA chỉ được vận dụng để minh họa dự báo tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu, không phải là phương pháp mới do luận án xây dựng.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu tổng quát của luận án là nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện nội dung PTTC phù hợp với đặc điểm hoạt động của DNXD niêm yết, nhằm nâng cao chất lượng thông tin phục vụ nhà quản trị ra quyết định và góp phần bảo đảm an toàn tài chính, hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững của DN.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát, luận án xác định các mục tiêu cụ thể sau:

- **Thứ nhất**, hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phân tích tài chính DN; làm rõ khái niệm, mục tiêu, nội hàm và các nhóm nội dung phân tích tài chính DN; phân biệt hoàn thiện nội dung phân tích với hoàn thiện quy trình và phương pháp phân tích; đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và rút ra bài học có thể vận dụng đối với các DNXD niêm yết ở Việt Nam.

- **Thứ hai**, khảo sát và đánh giá thực trạng nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam, tập trung vào các nhóm nội dung: tình hình tài sản, nguồn vốn và hoạt động

tài trợ; kết quả kinh doanh và dòng tiền; hiệu quả sử dụng vốn; công nợ và khả năng thanh toán; tăng trưởng và phát triển bền vững; rủi ro tài chính và dự báo tài chính.

- **Thứ ba**, phân tích và luận giải những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam; qua đó xác định những nội dung cần tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa và hoàn thiện, nhất là các nội dung phản ánh đặc thù của hoạt động xây dựng.

- **Thứ tư**, đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam theo hướng phù hợp với đặc thù ngành xây dựng, tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao khả năng dự báo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhà quản trị trong quá trình ra quyết định.

4. Câu hỏi nghiên cứu

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*: Nội dung PTTC của DNXD niêm yết ở Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu*

+ *Về nội dung*: Nghiên cứu tập trung vào các nội dung PTTC phục vụ cho nhà quản trị của các DNXD niêm yết ra quyết định.

+ *Về thời gian*: Dữ liệu để khảo sát thực trạng nội dung PTTC tại DN trong năm 2025, dữ liệu để minh họa PTTC tại DNXD điển hình 2023 đến 2025, dữ liệu để dự báo các chỉ tiêu tài chính từ 2021 đến 2025, dữ liệu để dự báo ROE từ quý 3 năm 2013 đến quý 4 năm 2025, đề xuất các giải pháp định hướng đến năm 2030.

+ *Về không gian*: các DNXD niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE). Để bảo đảm tính đồng nhất của mẫu nghiên cứu và nâng cao độ tin cậy của kết quả phân tích, NCS lựa chọn các DNXD niêm yết trên HOSE - sở giao dịch chứng khoán có quy mô vốn hóa lớn nhất Việt Nam, tập trung các doanh nghiệp đầu ngành, có quy mô vốn hóa và khả năng thanh khoản lớn, yêu cầu cao về điều kiện niêm yết, công bố thông tin và quản trị công ty. Do đó, dữ liệu tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE có tính minh bạch, đầy đủ và ổn định hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích, so sánh và đánh giá các chỉ tiêu tài chính.

6. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu: có sáu bước

Phương pháp thu thập dữ liệu: Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn: (1) dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát và phỏng vấn cán bộ phân tích tài chính và nhà quản trị tại 32 doanh nghiệp xây dựng niêm yết (có 25 doanh nghiệp phản hồi); (2) dữ liệu thứ cấp từ báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo ESG, báo cáo quản trị và các

cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích thị trường...

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được thu thập và đối chiếu từ báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị của các doanh nghiệp xây dựng (DNXD) niêm yết và thông tin do sở giao dịch chứng khoán công bố. Các số liệu bất thường được kiểm tra qua thuyết minh báo cáo tài chính và công bố của doanh nghiệp. Những trường hợp thay đổi niên độ, hợp nhất, hủy niêm yết hoặc có ý kiến kiểm toán không chấp nhận được xem xét riêng và chỉ được sử dụng khi vẫn bảo đảm tính so sánh.

Luận án kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Đối với nghiên cứu lý luận, các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và suy luận logic được sử dụng để xây dựng cơ sở lý luận về phân tích tài chính (PTTC) doanh nghiệp. Đối với nghiên cứu thực trạng, dữ liệu khảo sát từ 25 DN được xử lý bằng Excel và SPSS. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn được sử dụng để đánh giá mức độ quan tâm, mức độ thực hiện và sự thống nhất trong ý kiến; tần số và tỷ lệ phần trăm được dùng đối với các câu hỏi lựa chọn. Kết quả được trình bày bằng bảng và biểu đồ, kết hợp với nghiên cứu điển hình tại một số DN đại diện để đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

Các giải pháp được đề xuất dựa trên suy luận logic từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đồng thời được minh họa bằng nghiên cứu tình huống tại một DNXD niêm yết. Luận án còn sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm doanh thu kết hợp với CAGR để dự báo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình tài chính; mô hình ARIMA và phần mềm Stata 17 được sử dụng để dự báo ROE. Kết quả phân tích là căn cứ đề xuất giải pháp hoàn thiện nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam.

7. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về phân tích tài chính và hoàn thiện nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các nghiên cứu trước, luận án xác lập nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp theo sáu nhóm: (1) phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn và hoạt động tài trợ; (2) phân tích tình hình kết quả kinh doanh và dòng tiền; (3) phân tích hiệu quả sử dụng vốn; (4) phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán; (5) phân tích tình hình tăng trưởng và phát triển bền vững; (6) phân tích rủi ro và dự báo tài chính. Đồng thời, thông qua nghiên cứu kinh nghiệm về nội dung phân tích tài chính của các doanh nghiệp tại Hoa Kỳ, Trung Quốc và Singapore, luận án rút ra một số bài học tham khảo cho các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án đã làm rõ thực trạng nội dung phân tích tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam theo sáu nhóm nội dung đã xác lập. Qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp đã thực hiện nhiều nội dung phân tích tài chính cơ bản, bước đầu cung cấp thông tin phục vụ quản trị tài chính. Tuy nhiên, mức độ thực hiện giữa các nội dung chưa đồng đều, còn thiên về phân tích mô tả và sử dụng các chỉ tiêu, phương pháp phân tích truyền thống; việc sử dụng các chỉ tiêu phản ánh đặc thù hoạt động xây dựng còn hạn chế.

Thứ ba, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện nội dung phân tích tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam theo sáu nhóm nội dung đã xác lập. Các giải pháp tập trung vào rà soát, chuẩn hóa và bổ sung chỉ tiêu, phương pháp phân tích; tăng cường sự liên kết giữa các nội dung phân tích; bổ sung các chỉ tiêu phản ánh đặc thù hoạt động xây dựng. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phân tích và dự báo tài chính. Luận án cũng đề xuất các kiến nghị và điều kiện cần thiết nhằm hỗ trợ triển khai các giải pháp trong thực tiễn.

8. Kết cấu của luận án

Luận án ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận cơ bản về nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng nội dung PTTC các DNXD niêm yết ở Việt Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện nội dung PTTC các DNXD niêm yết ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm, mục tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Khái niệm: Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất rằng: phân tích tài chính doanh nghiệp là quá trình sử dụng các phương pháp và công cụ phân tích nhằm đánh giá tình hình tài chính trong quá khứ và hiện tại, dự báo triển vọng tài chính trong tương lai, từ đó cung cấp thông tin phục vụ việc ra quyết định của các chủ thể liên quan. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nêu trên, NCS cho rằng: *Phân tích tài chính doanh nghiệp là quá trình đánh giá toàn diện sức khỏe tài chính, cấu trúc vốn, năng lực tạo tiền, khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, nhận diện rủi ro tài chính và triển vọng tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp nhằm cung cấp các căn cứ thích hợp phục vụ việc ra quyết định tài chính của doanh nghiệp và các bên có lợi ích liên quan trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn biến động.*

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ phân tích hiện đại, nội hàm của phân tích tài chính doanh nghiệp được mở rộng từ việc khai thác dữ liệu tài chính lịch sử sang sử dụng dữ liệu đa nguồn, cập nhật theo thời gian thực. Theo đó, phân tích tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế số là quá trình ứng dụng các công nghệ số để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu tài chính và phi tài chính nhằm đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng tài chính và hỗ trợ ra quyết định một cách kịp thời, hiệu quả. Xu hướng này phản ánh sự chuyển dịch từ phương pháp phân tích truyền thống sang phương pháp phân tích dựa trên dữ liệu và công nghệ thông minh.

Mục tiêu: Mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp là hướng tới việc cung cấp thông tin cho nhiều đối tượng liên quan, tuy nhiên trong phạm vi này được tiếp cận dưới góc độ phục vụ cho nhà quản trị:

Phân tích tài chính doanh nghiệp nhằm cung cấp cơ sở cho nhà quản trị đánh giá toàn diện tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời. Kết quả phân tích giúp nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và các rủi ro tài chính, đồng thời hỗ trợ quá trình ra quyết định về đầu tư, huy động vốn và tổ chức hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, phân tích tài chính còn là công cụ kiểm soát, dự báo

và hoạch định tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và hướng tới phát triển bền vững.

1.1.2. Cơ sở dữ liệu của phân tích tài chính doanh nghiệp

Nguồn tài liệu phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp gồm hai nhóm chính: nguồn thông tin bên trong và thông tin bên ngoài doanh nghiệp.

Thông tin bên trong DN chủ yếu bao gồm hệ thống báo cáo tài chính đã kiểm toán (Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính), báo cáo thường niên, báo cáo quản trị, báo cáo ESG và các tài liệu nội bộ khác. Trong bối cảnh chuyển đổi số, còn khai thác dữ liệu từ hệ thống ERP, BI Dashboard và các nền tảng quản trị số...

Thông tin bên ngoài bao gồm các dữ liệu kinh tế vĩ mô (GDP, lạm phát, tỷ giá, chính sách tài khóa – tiền tệ), môi trường pháp lý, thông tin ngành, thị trường và đối thủ cạnh tranh. Những thông tin này hỗ trợ việc đánh giá tài chính doanh nghiệp trong mối quan hệ với môi trường kinh doanh, nhận diện cơ hội và rủi ro, đồng thời giúp định hướng điều chỉnh chiến lược phù hợp.

1.1.3. Quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp

Quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp gồm ba giai đoạn: lập kế hoạch, thực hiện phân tích và kết thúc phân tích. Các giai đoạn này bao gồm xác định mục tiêu và nội dung phân tích, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích các chỉ tiêu tài chính, tổng hợp kết quả và lập báo cáo phục vụ ra quyết định. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng các nền tảng và công cụ phân tích hiện đại góp phần nâng cao chất lượng thông tin, khả năng dự báo và hiệu quả quản trị tài chính doanh nghiệp.

1.1.4. Phương pháp phân tích tài chính DN

Để phân tích tài chính doanh nghiệp sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh, Phương pháp phân chia, phương pháp liên hệ đối chiếu, phương pháp đồ thị, phương pháp Dupont, phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng và phân tích tính chất ảnh hưởng, và phương pháp dự báo. Trong quá trình phân tích, cần dựa vào loại hình doanh nghiệp, đặc điểm sản xuất kinh doanh, nguồn tài liệu, mục đích phân tích... để lựa chọn phương pháp phù hợp.

1.2. NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.2.1. Phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn của DN

- Chỉ tiêu phân tích là các chỉ tiêu tài sản, nguồn vốn trên Báo cáo tình hình tài chính (bảng cân đối kế toán) thể hiện dưới dạng quy mô và tỷ trọng.

- Chỉ tiêu phân tích hoạt động tài trợ: Vốn lưu chuyển, hệ số tài trợ thường xuyên,

hệ số tự tài trợ tổng quát, hệ số tự tài trợ TSCĐ. Phân tích hoạt động tài trợ hỗ trợ quyết định huy động vốn và bảo đảm an toàn tài chính doanh nghiệp.

1.2.2. Phân tích tình hình kết quả kinh doanh và dòng tiền của DN

1.2.2.1. Phân tích tình hình kết quả kinh doanh

Phân tích kết quả kinh doanh giúp đánh giá hiệu quả hoạt động và hỗ trợ nhà quản trị đưa ra các quyết định nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các chỉ tiêu phản ánh quy mô; Các chỉ tiêu phản ánh tình hình quản trị chi phí bao gồm: Hệ số chi phí, hệ số giá vốn hàng bán, hệ số chi phí bán hàng và hệ số chi phí QLDN. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời hoạt động bao gồm: Hệ số sinh lời hoạt động (ROS), hệ số sinh lời hoạt động trước thuế, hệ số sinh lời từ HĐKD, hệ số sinh lời từ bán hàng.

1.2.2.2. Phân tích dòng tiền: giúp đánh giá khả năng tạo tiền, tính thanh khoản và mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp. Nội dung phân tích bao gồm: (i) khả năng tạo tiền từ từng hoạt động; (ii) dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; và (iii) khả năng chi trả thực tế. Kết quả phân tích hỗ trợ DN quản lý thanh khoản, xây dựng kế hoạch vốn và điều chỉnh cơ cấu dòng tiền theo hướng bền vững.

1.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của DN

1.2.3.1. Phân tích hiệu suất sử dụng vốn: Các nội dung như: Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh, HSSD vốn dài hạn, tốc độ luân chuyển vốn ngắn hạn, tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và vốn thanh toán. Kết quả phân tích giúp doanh nghiệp điều chỉnh chính sách tín dụng, quản lý tồn kho và phân bổ vốn hợp lý.

1.2.3.2. Phân tích khả năng sinh lời: xem xét hiệu quả tạo lợi nhuận từ tài sản và vốn chủ sở hữu thông qua các chỉ tiêu: ROA, BEP, ROE và các chỉ tiêu sinh lời cổ phiếu như EPS, P/E, D/E, D/P. Việc phân tích giúp doanh nghiệp nhận diện yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, từ đó hoàn thiện chiến lược đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh.

1.2.4. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán của DN

1.2.4.1. Phân tích tình hình công nợ:

Phân tích công nợ giúp nhà quản trị đánh giá các khoản phải thu, phải trả nhằm xây dựng chính sách tín dụng, thu hồi nợ và thanh toán phù hợp. Các chỉ tiêu phản ánh quy mô nợ; nhóm các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu nợ và tình hình quản trị nợ gồm: hệ số các khoản phải thu, hệ số các khoản phải trả, hệ số các khoản phải thu so với các khoản phải trả, hệ số thu hồi nợ và hệ số hoàn trả nợ.

1.2.4.2. Phân tích khả năng thanh toán: giúp đánh giá mức độ doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính thông qua các hệ số: KNTT tổng quát, KNTT nợ ngắn

hạn, thanh toán nhanh, KNTT tức thời và KNTT lãi vay. Các chỉ tiêu này phản ánh mức độ an toàn tài chính và khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền. Giúp nhà quản trị đánh giá mức độ đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của DN trong ngắn hạn và dài hạn.

1.2.5. Phân tích tình hình tăng trưởng và phát triển bền vững của DN

1.2.5.1. Phân tích tình hình tăng trưởng: thông qua các chỉ tiêu như: tăng trưởng doanh thu thuần, lợi nhuận, dòng tiền thuần, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và các chỉ tiêu cổ phiếu (EPS, BVPS), tăng trưởng bền vững. Kết quả phân tích giúp nhà quản trị dự báo triển vọng và điều chỉnh chiến lược mở rộng phù hợp, hạn chế rủi ro tài chính.

1.2.5.2. Phân tích tình hình phát triển bền vững: Các chỉ tiêu về: Tỷ lệ chi phí phát thải khí nhà kính trên doanh thu thuần (DTT), Tỷ lệ chi phí tiêu thụ điện năng trên DTT, Tỷ lệ chi phí sử dụng nước trên DTT, Tỷ lệ chi đào tạo an toàn lao động, Tỷ lệ chi hoạt động phúc lợi cho người lao động, Tỷ lệ đóng góp vào phát triển cộng đồng, Tỷ lệ chi trả cho thành viên HĐQT độc lập, Tỷ lệ chi cho việc lập, công khai báo cáo phát triển bền vững. Kết quả phân tích các chỉ tiêu ESG giúp NQT đánh giá mức độ thực hiện phát triển bền vững của DN trên các khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị.

1.2.6. Phân tích rủi ro tài chính và dự báo tài chính của DN

1.2.6.1. Phân tích rủi ro tài chính: được nhận diện thông qua hệ số nợ, hệ số thu hồi nợ, các hệ số thanh toán, dòng tiền và hệ số sinh lời vốn chủ sở hữu.

1.2.6.2. Dự báo tài chính DN: Các phương pháp dự báo trong luận án sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm doanh thu kết hợp với CAGR và phương pháp theo chuỗi thời gian (ARIMA).

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NỘI DUNG PTTC DOANH NGHIỆP

Các nhân tố tác động đến nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp gồm hai nhóm: nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan.

1.4. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ BÀI HỌC CHO CÁC DN XD NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

1.4.1. Kinh nghiệm quốc tế về nội dung phân tích tài chính

1.4.2. Bài học cho các DN XD Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 2: THỰC TRẠNG NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển các DNXD niêm yết ở Việt Nam

Luận án đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của các DNXD niêm yết ở Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý các DNXD niêm yết ở Việt Nam

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh các DNXD niêm yết tại Việt Nam

2.1.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh: Ngành xây dựng là lĩnh vực sản xuất vật chất có tính đặc thù, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Các DNXD niêm yết có những đặc điểm riêng biệt, ảnh hưởng trực tiếp đến quản trị và nội dung PTTC.

2.1.3.2. Đặc điểm sản phẩm xây dựng: Sản phẩm xây dựng là các công trình, hạng mục công trình được tạo ra nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống, mang những đặc điểm riêng biệt so với các sản phẩm trong các ngành sản xuất khác. Những đặc điểm này có ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung và cách thức thực hiện PTTC trong các DNXD niêm yết.

2.1.3.3. Đặc điểm các DNXD niêm yết trên sàn HOSE trong mẫu nghiên cứu

Danh sách 32 DNXD niêm yết trên sàn HOSE tính đến tháng 5/2025

Phân loại DNXD niêm yết theo vốn hóa và vốn điều lệ

2.2. THỰC TRẠNG NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

NCS thực hiện khảo sát nhà quản trị và cán bộ phân tích tại 32 DNXD niêm yết trên HOSE, thu về 25 phiếu hợp lệ. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ phiếu khảo sát, kết hợp với các tài liệu công bố công khai như báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững và các trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp. Kết quả được tổng hợp, xử lý nhằm đánh giá thực trạng phân tích tài chính tại các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu.

2.2.1. Thực trạng phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn tại các DNXD niêm yết

2.2.1.1. Thực trạng phân tích tình hình tài sản

Kết quả khảo sát cán bộ phân tích cho thấy các doanh nghiệp xây dựng niềm yết quan tâm tương đối cao đến phân tích tình hình tài sản. Chỉ tiêu quy mô tài sản có mức độ quan tâm bình quân đạt 4,60 và mức độ thực hiện đạt 4,40. Trong khi đó, mức độ thực hiện chỉ tiêu cơ cấu tài sản chỉ đạt 3,24, thấp hơn mức độ quan tâm.

Về phương thức thực hiện, các doanh nghiệp đều phân tích quy mô tài sản nhưng chưa thống nhất trong phân tích cơ cấu: một số doanh nghiệp chưa xác định tỷ trọng tài sản, một số chỉ tính tỷ trọng tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trên tổng tài sản. Phương pháp so sánh được sử dụng phổ biến để đánh giá biến động về quy mô và cơ cấu tài sản.

Kết quả khảo sát nhà quản trị cho thấy 88% sử dụng kết quả phân tích quy mô tài sản, trong khi tỷ lệ sử dụng kết quả phân tích cơ cấu tài sản đạt 56%. Như vậy, phân tích tài sản vẫn thiên về quy mô, chưa chú trọng tương xứng đến cơ cấu tài sản.

2.2.1.2. Thực trạng phân tích tình hình nguồn vốn

Các doanh nghiệp xây dựng niềm yết quan tâm và thực hiện phân tích quy mô nguồn vốn ở mức cao, với điểm bình quân lần lượt là 4,48 và 4,16; đối với cơ cấu nguồn vốn, các mức điểm tương ứng là 3,76 và 3,32. Về phương thức thực hiện, tất cả doanh nghiệp đều phân tích quy mô nguồn vốn, nhưng một số chưa xác định tỷ trọng từng nguồn vốn. Phương pháp so sánh được sử dụng thường xuyên để đánh giá sự biến động của nguồn vốn. Kết quả khảo sát cho thấy 92% nhà quản trị sử dụng thông tin về quy mô nguồn vốn, trong khi tỷ lệ sử dụng thông tin về cơ cấu nguồn vốn đạt 60%. Như vậy, hoạt động phân tích vẫn tập trung chủ yếu vào quy mô nguồn vốn.

2.2.1.3. Thực trạng phân tích tình hình hoạt động tài trợ: Các doanh nghiệp xây dựng niềm yết ít quan tâm và hầu như chưa thực hiện phân tích hoạt động tài trợ. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu vốn lưu chuyển, hệ số tài trợ thường xuyên và hệ số tự tài trợ tài sản cố định đều đạt 1,00; hệ số tự tài trợ tổng quát đạt 1,40. Về phương thức thực hiện, chỉ Cotecons sử dụng chỉ tiêu tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu, ngược với công thức hệ số tự tài trợ tổng quát; các doanh nghiệp chủ yếu sử dụng chỉ tiêu phản ánh đòn bẩy tài chính. Phương pháp so sánh ít được áp dụng. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ 4% nhà quản trị sử dụng hệ số tự tài trợ tổng quát, còn các chỉ tiêu khác không được sử dụng trong quá trình ra quyết định.

2.2.2. Thực trạng phân tích tình hình kết quả kinh doanh và dòng tiền tại các DN XD niềm yết

2.2.2.1. Thực trạng phân tích kết quả kinh doanh: Các doanh nghiệp xây dựng niềm yết chủ yếu quan tâm và thực hiện phân tích các chỉ tiêu tổng hợp trên Báo cáo

kết quả kinh doanh, với điểm bình quân lần lượt là 4,60 và 4,36; tiếp đến là các hệ số sinh lời, trong khi các chỉ tiêu chi phí ít được chú trọng. Về phương thức thực hiện, công thức tính hệ số sinh lời chưa thống nhất, chủ yếu khác nhau ở việc lựa chọn doanh thu thuần hoặc tổng doanh thu và thu nhập làm mẫu số. Phương pháp so sánh được sử dụng thường xuyên để đánh giá biến động kết quả kinh doanh. Kết quả khảo sát cho thấy 100% nhà quản trị sử dụng các chỉ tiêu tổng hợp, tỷ lệ sử dụng ROS, hệ số sinh lời trước thuế và hệ số sinh lời từ hoạt động kinh doanh cao hơn đáng kể so với các chỉ tiêu chi phí.

2.2.2.2. Thực trạng phân tích tình hình dòng tiền: Các DNXD niêm yết chủ yếu quan tâm đến lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, với điểm bình quân lần lượt là 3,80, 3,48 và 3,16. Các chỉ tiêu tỷ trọng dòng tiền thu vào, hệ số tạo tiền và khả năng chi trả thực tế hầu như không được quan tâm và thực hiện. Về phương thức thực hiện, doanh nghiệp chủ yếu lấy số liệu trực tiếp từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chưa lập bảng phân tích và nhận xét riêng; phương pháp so sánh cũng ít được áp dụng.

2.2.3. Thực trạng phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại các DNXD niêm yết

2.2.3.1. Thực trạng phân tích hiệu suất sử dụng vốn: Mức độ quan tâm và thực hiện nhiều nhất đối với hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh, với điểm bình quân lần lượt đạt 4,64 và 4,56; tiếp đến là số vòng quay hàng tồn kho. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu suất từng bộ phận ít được áp dụng. Về phương thức thực hiện, một số doanh nghiệp sử dụng giá trị cuối kỳ thay cho giá trị bình quân hoặc doanh thu thuần thay cho tổng doanh thu và thu nhập nên công thức tính chưa thống nhất. Phương pháp so sánh được sử dụng thường xuyên, với điểm thực hiện đạt 4,02; phương pháp phân tích nhân tố ít được áp dụng. Kết quả khảo sát cho thấy 100% nhà quản trị sử dụng hiệu suất vốn kinh doanh và số vòng quay hàng tồn kho, 64% sử dụng kỳ luân chuyển hàng tồn kho; các chỉ tiêu về vốn dài hạn, vốn ngắn hạn và công nợ ít được sử dụng.

2.2.3.2. Thực trạng phân tích khả năng sinh lời từ vốn: Các DNXD niêm yết đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu sinh lời cơ bản như ROA, ROE và EPS, và sử dụng rộng rãi các chỉ tiêu này trong ra quyết định quản trị. Ngược lại, các chỉ tiêu sinh lời chuyên sâu và chỉ tiêu gắn với thị trường, cổ tức hầu như không được phân tích. Phương pháp so sánh được quan tâm sử dụng nhiều hơn phương pháp phân tích nhân tố. Công thức áp dụng có sự khác biệt so với phiếu khảo sát, nhiều doanh nghiệp còn sử dụng số cuối kỳ thay vì giá trị bình quân.

2.2.4. Thực trạng phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán tại các DNXD niêm yết

2.2.4.1. Thực trạng phân tích tình hình công nợ: Các doanh nghiệp quan tâm nhiều đến các khoản phải thu và phải trả, với mean lần lượt đạt 4,36 và 4,32; các chỉ tiêu vòng quay và kỳ thu hồi nợ được quan tâm ở mức thấp hơn. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phải thu, phải trả khá thường xuyên từ 4,00 đến 4,08; các hệ số công nợ và kỳ trả nợ bình quân hầu như chưa được áp dụng. Về phương thức thực hiện, một số doanh nghiệp sử dụng số cuối kỳ thay cho giá trị bình quân khi tính vòng quay các khoản phải thu và phải trả nên công thức chưa thống nhất. Phương pháp so sánh được sử dụng thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy nhà quản trị chủ yếu sử dụng thông tin về các khoản phải thu (56%) và phải trả (60%); các chỉ tiêu phân tích chuyên sâu ít hoặc không được sử dụng.

2.2.4.2. Thực trạng phân tích tình hình khả năng thanh toán: Các DN thực hiện thường xuyên hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh, với điểm bình quân lần lượt đạt 4,24 và 4,36; trong khi hệ số khả năng thanh toán tổng quát, tức thời và lãi vay ít hoặc chưa được áp dụng. Về phương thức thực hiện, các doanh nghiệp tính đúng công thức như phiếu khảo sát. Phương pháp so sánh được áp dụng tương đối thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy 100% nhà quản trị sử dụng hệ số thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh; chỉ 28% sử dụng hệ số thanh toán lãi vay, còn các chỉ tiêu tổng quát và tức thời không được sử dụng.

2.2.5. Thực trạng phân tích tình hình tăng trưởng và phát triển bền vững tại các DNXD niêm yết

2.2.5.1. Thực trạng phân tích tình hình tăng trưởng: Các DNXD niêm yết chủ yếu phân tích tăng trưởng dựa trên doanh thu và lợi nhuận ròng. Các chỉ tiêu tăng trưởng tài sản, vốn chủ sở hữu và EPS chỉ được sử dụng ở mức trung bình, trong khi tăng trưởng dòng tiền, giá trị sổ sách cổ phiếu và tăng trưởng bền vững hầu như chưa được quan tâm và thực hiện. Về phương thức thực hiện, các chỉ tiêu được áp dụng cơ bản tính đúng công thức. Phương pháp so sánh được áp dụng chủ yếu.

2.2.5.2. Thực trạng phân tích phát triển bền vững: Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp xây dựng niêm yết đã quan tâm và thực hiện đến ESG, đặc biệt đối với các khía cạnh môi trường và xã hội, song chủ yếu sử dụng các số liệu ESG dưới dạng thông tin công bố. Việc áp dụng các chỉ tiêu ESG trong phân tích tài chính còn hạn chế, dẫn đến ESG chưa được tích hợp đầy đủ vào hoạt động PTTC doanh nghiệp.

2.2.6. Thực trạng phân tích rủi ro tài chính và dự báo tài chính tại các DNXD

niêm yết

2.2.6.1. Thực trạng phân tích rủi ro tài chính: Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp xây dựng niêm yết chủ yếu đánh giá rủi ro tài chính thông qua các chỉ tiêu về nợ, thanh khoản và công nợ. Việc phân tích rủi ro tài chính còn mang tính định tính, trong khi các chỉ tiêu về dòng tiền, khả năng trả lãi vay và khả năng sinh lời chưa được sử dụng rộng rãi.

2.2.6.2. Thực trạng dự báo tài chính của DN: Các DNXD niêm yết đều thực hiện dự báo tài chính, chủ yếu bằng phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu. Doanh thu là chỉ tiêu được dự báo và sử dụng nhiều nhất trong quản trị, trong khi dự báo kết quả kinh doanh chỉ áp dụng hạn chế và hầu như không DN nào dự báo bảng cân đối kế toán. Phương pháp ARIMA chưa được quan tâm và thực hiện.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

2.3.1. Những kết quả đạt được

Qua phân tích thực trạng cho thấy các DNXD niêm yết đã bước đầu triển khai hoạt động PTTC với nội dung tương đối đầy đủ và bám sát yêu cầu quản trị. Ở từng nhóm nội dung phân tích, DN đã sử dụng một số hệ thống chỉ tiêu cơ bản để đánh giá tình hình tài chính; Nguồn dữ liệu chủ yếu là: báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo quản trị, báo cáo ESG, báo cáo thường niên cùng với các thông tin liên quan như biến động giá vật liệu, chi phí nhiên liệu, tiến độ dự án, nhu cầu thị trường xây dựng... Quy trình phân tích tại đại đa số DN gồm 2 giai đoạn là: thực hiện phân tích, báo cáo và lưu trữ hồ sơ. Phương pháp phân tích được áp dụng chủ yếu là phương pháp so sánh qua các kỳ, và hầu hết DN thực hiện phân tích theo chu kỳ năm, số ít DNXD dùng phương pháp đồ thị thể hiện xu hướng. Bên cạnh đó, trong thời đại chuyển đổi số như hiện nay, một số DNXD niêm yết lớn đã có bước đầu áp dụng quy trình chuyển đổi số và áp dụng các phần mềm hiện đại vào trong PTTC.

Nhìn chung, các nội dung phân tích hiện có đã giúp DNXD hình thành được bức tranh tài chính cơ bản, phản ánh tương đối rõ tình hình tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán, hiệu quả kinh doanh và mức độ biến động chi phí theo đặc thù ngành xây dựng. Những kết quả này đã hỗ trợ DN trong việc nhận diện xu hướng tài chính chủ yếu và phục vụ cho một số quyết định quản trị ngắn hạn

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được là các DNXD đã triển khai PTTC ở mức độ cơ bản, tuy nhiên nhiều nội dung vẫn chưa được thực hiện một cách đầy đủ và đúng nghĩa.

Ở một số nội dung phân tích, DN chưa xây dựng hệ thống chỉ tiêu đầy đủ hoặc chỉ sử dụng rất hạn chế, dẫn đến thông tin thu được chưa phản ánh hết thực trạng tài chính của DNXD niêm yết. Một số chỉ tiêu được áp dụng nhưng cách tính toán chưa chuẩn xác, phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng, phương pháp ARIMA chưa được triển khai.

Phân tích tài chính tại các DNXD niêm yết hiện vẫn chủ yếu dựa trên số liệu từ BCTC, báo cáo quản trị. Tuy nhiên, DN ít sử dụng dữ liệu kinh tế ngành, các báo cáo tiến độ thi công và tình hình kinh tế xã hội, đồng thời chưa ứng dụng công nghệ số dẫn đến phân tích chưa toàn diện, làm giảm tính chính xác và hiệu quả trong đánh giá và ra quyết định. Phương pháp so sánh là công cụ phân tích phổ biến nhất tại các DNXD niêm yết, nhưng chủ yếu dừng ở mức cơ bản giữa hai kỳ kế toán gần nhất. Việc mở rộng so sánh theo chuỗi thời gian dài hoặc với các doanh nghiệp cùng ngành còn rất hạn chế, khiến phân tích thiếu chiều sâu. Như vậy, qua thực trạng nội dung PTTC tại các DNXD niêm yết cho thấy, mặc dù có vài DNXD niêm yết lớn có sử dụng công nghệ số, nhưng đa phần vẫn còn nhiều DNXD niêm yết chưa triển khai chuyển đổi số, do đó nội dung PTTC vẫn còn mang tính truyền thống, thiếu chiều sâu dự báo, chưa gắn với quản trị rủi ro và chưa tích hợp yếu tố công nghệ số.

Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, khung pháp lý liên quan đến PTTC hiện nay còn thiếu tính định hướng và thống nhất.

Thứ hai, PTTC hiện chưa được công nhận như một nghề nghiệp chuyên môn tại Việt Nam.

Thứ ba, việc xây dựng hệ thống dữ liệu tài chính ngành cụ thể là chỉ tiêu trung bình ngành chưa được triển khai hiệu quả.

Thứ tư, môi trường kết nối giữa doanh nghiệp và giới học thuật còn mờ nhạt.

Thứ năm, hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – kế toán vẫn chưa hoàn thiện.

Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, về quan điểm của nhà quản trị đối với PTTC, tư duy quản trị tài chính tại một số doanh nghiệp còn mang tính ngắn hạn, xem nhẹ vai trò chiến lược của PTTC, chưa quan tâm nhiều đến phân tích trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ hai, nhiều DNXD niêm yết chưa có bộ phận chuyên trách cho công tác phân tích tài chính.

Thứ ba, năng lực chuyên môn của người thực hiện phân tích còn hạn chế.

Thứ tư, việc ứng dụng công nghệ số trong quy trình phân tích tài chính còn hạn chế. Từ những hạn chế và nguyên nhân trên cho thấy, việc hoàn thiện nội dung PTTC trong các DNXD niêm yết là yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung PTTC, đồng thời đề xuất mô hình ứng dụng chuyển đổi số như một yếu tố hỗ trợ trong quá trình thực hiện.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM

3.1.1. Bối cảnh kinh tế giai đoạn 2026-2030

3.1.1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới

3.1.1.2. Bối cảnh kinh tế Việt Nam

3.1.1.3. Những tác động đến ngành xây dựng Việt Nam

3.1.2. Định hướng phát triển các doanh nghiệp xây dựng niêm yết theo Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà vừa ký Quyết định số 179/QĐ-TTg ngày 16/2/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Thứ nhất, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động tài chính.

Thứ hai, nâng cao năng lực tài chính, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong quản trị DN.

Thứ ba, phát triển theo hướng xanh, bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2. NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

Một là: Nguyên tắc phù hợp

Hai là: Nguyên tắc trung thực và trách nhiệm

Ba là: Nguyên tắc khách quan

Bốn là: Nguyên tắc nhất quán

Năm là: Nguyên tắc kế thừa và hiệu quả

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

3.3.1. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn của các DNXD niêm yết ở VN

3.3.1.1. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình tài sản

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS khuyến nghị các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu hiện đang áp dụng, đối với các DN chưa hoặc ít sử dụng, cần bổ sung các chỉ tiêu phản ánh quy mô tài sản và tỷ trọng từng khoản mục tài sản ở nội dung chương 1. Đồng thời đề xuất các chỉ tiêu đặc thù ngành: (1) *Tỷ lệ chi phí SXKD dở dang các công trình xây dựng trong tổng tài sản*; (2) *Tỷ lệ phải thu chủ đầu tư trong tổng tài sản*.

Hai là, phương pháp phân tích.

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình tài sản tại công ty cổ phần xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.1.2. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình nguồn vốn

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS khuyến nghị các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu hiện đang áp dụng, đối với các DN chưa hoặc ít sử dụng, cần bổ sung các chỉ tiêu phản ánh quy mô nguồn vốn và tỷ trọng từng khoản mục nguồn vốn ở nội dung chương 1. Đồng thời đề xuất chỉ tiêu đặc thù ngành: *Tỷ trọng vốn ứng trước của chủ đầu tư trong tổng nguồn vốn*.

Hai là, phương pháp phân tích.

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình nguồn vốn tại công ty cổ phần xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.1.2. Hoàn thiện nội dung phân tích hoạt động tài trợ

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu đặc thù: (1) *Hệ số vay ngắn hạn phục vụ công trình*, (2) *Hệ số đòn bẩy nhà cung cấp và nhà thầu phụ*

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình tài trợ tại công ty cổ phần xây dựng Coteccons, đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.2. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình kết quả kinh doanh và dòng

tiền của các DNXD niêm yết ở VN

3.3.2.1. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình kết quả kinh doanh

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu đặc thù: (1) *Tỷ trọng doanh thu theo dự án*, (2) *Biên lợi nhuận gộp công trình/dự án*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.2.2. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình dòng tiền

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu: (1) *Hệ số dòng tiền trên doanh thu thuần*; (2) *Tỷ lệ phải thu từ chủ đầu tư trên doanh thu hoạt động xây dựng*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình dòng tiền tại công ty cổ phần xây dựng Coteccons, đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.3. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam

3.3.3.1. Hoàn thiện nội dung phân tích hiệu suất sử dụng vốn

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu: (1) *Vòng quay các khoản phải thu từ chủ đầu tư*; (2) *Hệ số Blacklog trên doanh thu thuần hoạt động xây dựng*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích hiệu suất sử dụng vốn tại CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.3.2. Hoàn thiện nội dung phân tích khả năng sinh lời từ vốn

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu: (1) *Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư (ROIC)*; (2) *Hệ số sinh lời trên giá vốn thi công*.

Hai là, trình tự và phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích khả năng sinh lời từ vốn tại CTCP FECON, đưa ra

tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.4. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán các DN XD niêm yết

3.3.4.1. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình công nợ

Một là, chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DN XD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu: (1) *Tỷ trọng phải trả các công trình xây dựng*; (2) *Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình công nợ tại công ty xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.4.2. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình khả năng thanh toán

Một là, hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DN XD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu đặc thù: *Hệ số đảm bảo nợ ngắn hạn bằng giá trị hợp đồng chưa thực hiện*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình khả năng thanh toán tại công ty xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.5. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình tăng trưởng và phát triển bền vững của các DN XD niêm yết ở VN

3.3.5.1. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình tăng trưởng

Một là, hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DN XD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu đặc thù: *Tỷ lệ tăng trưởng giá trị hợp đồng xây dựng chưa thực hiện*.

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích tình hình tăng trưởng tại công ty xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.5.2. Hoàn thiện nội dung phân tích tình hình phát triển bền vững

Một là, hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DN XD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu: (1) *Doanh thu bình quân trên lao động*; (2) *Tỷ lệ thu hồi vật liệu tái chế*; (3) *Tỷ lệ chi phí xử lý*

chất thải trên DTT.

Hai là, phương pháp phân tích.

3.3.6. Hoàn thiện nội dung phân tích rủi ro tài chính và dự báo tài chính các DNXD niêm yết

3.3.6.1. Hoàn thiện nội dung phân tích rủi ro tài chính

Một là, hoàn thiện các chỉ tiêu phân tích: NCS đề xuất các DNXD niêm yết tiếp tục sử dụng các chỉ tiêu đang sử dụng, các chỉ tiêu chưa hoặc ít sử dụng thì nên phân tích đầy đủ theo bảng chỉ tiêu đề xuất hoàn thiện. Đồng thời bổ sung chỉ tiêu đặc thù: *Tỷ lệ chi phí SXKDDD các CTXD trên tổng tài sản.*

Hai là, phương pháp phân tích

Ba là, hoàn thiện phân tích rủi ro tài chính tại công ty xây dựng Coteccons và đưa ra tư vấn cho nhà quản trị.

3.3.6.2. Hoàn thiện dự báo tài chính của các DNXD niêm yết ở VN

NCS đề xuất giải pháp hoàn thiện dự báo tài chính đối với các DNXD niêm yết ở Việt Nam. Thứ nhất, theo phương pháp dự báo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu kết hợp với tỷ lệ tăng trưởng gộp (CAGR) để dự báo bảng báo cáo kết quả HĐKD và báo cáo tình hình tài chính (bảng CĐKT) cho năm 2026,2027,2028. Thứ hai, phương pháp dự báo theo chuỗi thời gian (ARIMA) cho chỉ tiêu ROE năm 2026,2027,2028.

3.3.7. Giải pháp khác

Để phù hợp với thời đại công nghệ số hiện nay, NCS đề xuất mô hình ứng dụng công nghệ số trong PTTC và dự báo cho các DNXD niêm yết và đưa ra giải pháp áp dụng mô hình theo quy mô cho các DNXD niêm yết.

3.4. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.4.1. Kiến nghị đối với các DNXD niêm yết

3.4.2. Kiến nghị từ phía Nhà nước và cơ quan quản lý

- Đối với Bộ tài chính
- Đối với Bộ xây dựng
- Đối với UBCKNN
- Đối với các Sở Giao dịch Chứng khoán

3.4.3. Kiến nghị đối với Hiệp hội các doanh nghiệp xây dựng

3.4.4. Khuyến nghị đối với tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán và nhà đầu tư

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Các DNXD niêm yết giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường xây dựng và thị trường vốn có nhiều biến động, các DNXD niêm yết phải đối mặt với không ít khó khăn do đặc thù sử dụng vốn lớn, chu kỳ đầu tư dài và mức độ phụ thuộc cao vào vốn vay. Trong điều kiện đó, việc hoàn thiện nội dung PTTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị tài chính và hỗ trợ ra quyết định tại các DNXD niêm yết.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn công tác PTTT tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam, luận án đã đạt được nhiều kết quả, đóng góp mới chủ yếu của luận án là:

Thứ nhất, về lý luận. Luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về phân tích tài chính doanh nghiệp, xác định rõ nội hàm “hoàn thiện nội dung phân tích tài chính” theo hướng rà soát, lựa chọn, bổ sung và cấu trúc hóa các nội dung, chỉ tiêu cùng mối quan hệ tài chính cần phân tích. Đồng thời, phân biệt rõ với việc hoàn thiện quy trình và phương pháp phân tích. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các nghiên cứu trước, luận án xác lập sáu nhóm nội dung phân tích tài chính, gồm: (1) phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn và hoạt động tài trợ; (2) phân tích kết quả kinh doanh và dòng tiền; (3) phân tích hiệu quả sử dụng vốn; (4) phân tích công nợ và khả năng thanh toán; (5) phân tích tăng trưởng và phát triển bền vững; (6) phân tích rủi ro và dự báo tài chính. Thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm nội dung phân tích tài chính tại Hoa Kỳ, Trung Quốc và Singapore, luận án rút ra một số bài học tham khảo có thể vận dụng cho các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam.

Thứ hai, về thực tiễn. Dựa trên kết quả khảo sát và dữ liệu thu thập, luận án đánh giá thực trạng nội dung phân tích tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam theo sáu nhóm nội dung đã xác lập. Nghiên cứu chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Các doanh nghiệp đã thực hiện nhiều nội dung phân tích tài chính cơ bản, bước đầu cung cấp thông tin phục vụ quản trị tài chính; tuy nhiên, mức độ thực hiện chưa đồng đều, còn thiếu về phân tích mô tả và sử dụng chỉ tiêu, phương pháp truyền thống, trong khi các chỉ tiêu phản ánh đặc thù hoạt động xây dựng còn hạn chế. Kết quả này tạo cơ sở thực tiễn để xác định các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện và bổ sung.

Thứ ba, về giải pháp. Luận án đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện nội dung phân tích tài chính tại các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam theo sáu nhóm nội dung đã xác lập. Các giải pháp tập trung vào rà soát, chuẩn hóa và bổ sung chỉ tiêu;

tăng cường liên kết giữa các nội dung phân tích; đồng thời lựa chọn và vận dụng phương pháp phân tích phù hợp với từng nhóm nội dung. Bên cạnh các chỉ tiêu tài chính thông dụng, luận án đề xuất bổ sung và chú trọng các chỉ tiêu phản ánh đặc thù ngành xây dựng, bao gồm: giá trị hợp đồng còn lại chưa thực hiện (backlog), dòng tiền từ hoạt động xây dựng, tiền thu từ chủ đầu tư, công nợ theo công trình, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hiệu quả sử dụng vốn theo chu kỳ thực hiện hợp đồng. Đồng thời, luận án đưa ra định hướng ứng dụng Business Intelligence (BI), dashboard và công cụ dự báo nhằm hỗ trợ thu thập, xử lý, trình bày và khai thác thông tin phân tích tài chính. Ngoài ra, luận án còn đưa ra một số kiến nghị và điều kiện cần thiết để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai trong thực tiễn.

Tác giả hy vọng rằng, các kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác PTTC và hiệu quả quản trị tài chính tại các DNXD niêm yết ở Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế về phạm vi nghiên cứu và điều kiện thu thập dữ liệu, luận án không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả luận án kính mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và các nhà quản lý để luận án được tiếp tục hoàn thiện, có giá trị lý luận và thực tiễn cao hơn.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn!

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thị Ngọc Thu (2024), “Yếu tố tác động đến hiệu quả sử dụng tài sản của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên HOSE”, *Tạp chí tài chính* (kỳ 1-tháng 5/2024), trang 111-113.
2. Nguyễn Thị Ngọc Thu (2025), “Dự báo báo cáo tài chính các doanh nghiệp xây dựng niêm yết tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế tài chính* (Số 6/2025), trang 167-170.
3. Nghiêem Thị Thà, Nguyễn Thị Ngọc Thu (2025), “Kinh nghiệm quốc tế về PTTC doanh nghiệp và bài học cho các doanh nghiệp xây dựng niêm yết ở Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán* (Số 302/2025), trang 97-100.
4. Nguyễn Thị Ngọc Thu (2026), “Nâng cao hiệu quả phân tích khả năng sinh lời từ vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang”, *Tạp chí Kinh tế tài chính Online* (Số 102/2025).
5. Nguyễn Thị Ngọc Thu (2026), “Ứng dụng mô hình ARIMA trong dự báo ROE: Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS”, *Tạp chí Kinh tế tài chính* (Số 32/2026), trang 72-77.